

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/DS-PT

Ngày: 25-11-2021

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2021/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 10, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà TL, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 5, ấp B, xã TP, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà L trình bày:

Bà cho bà TL vay tiền và tham gia góp hội cù thể như sau:

+ Ngày 02-9-2016, bà TL vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 02 tháng từ ngày 02-9-2016 đến ngày 02-11-2016, không thỏa thuận lãi suất, bà TL có viết “giấy tay mượn nợ” ngày 02-9-2016 ký tên, ghi họ và tên. Từ ngày vay tiền bà TL chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho bà.

+ Ngày 10-7-2016 âm lịch, bà có mở dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 11 phần, bà TL góp 02 phần, hốt hết hai phần hụi được số tiền 173.200.000 đồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà TL, khi nhận tiền hụi bà TL có viết “giấy hốt hụi mười triệu”, có trách nhiệm mỗi tháng bà TL phải đóng tiền hụi chết cho bà 20.000.000 đồng, đóng hụi trong thời gian 06 tháng là 120.000.000 đồng, đoạn cuối trong giấy hốt hụi bà TL có ghi “Tôi chỉ còn nợ trong một giấy này, hoàn toàn không số nợ nào với chị hết. Tổng số tất cả nợ của chị là một trăm hai chục triệu chẳng”. Bà TL ghi chốt nợ là nợ hụi, tiền vay có giấy nợ riêng. Sau khi hốt hụi bà TL không đóng tiền hụi lại cho bà lần nào cả.

Nay bà L yêu cầu bà TL trả cho bà tiền nợ hụi 120.000.000 đồng và tiền nợ vay 40.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ bà TL nhiều lần nhưng bà TL không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng bà TL vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bà TL.

Buộc bà TL trả cho bà L số tiền 120.000.000 đồng; ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà TL trả số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22-4-2021 bà L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc bà TL trả cho bà 40.000.000 đồng tiền nợ vay.

Tại cấp phúc thẩm các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà L trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà buộc bà TL trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng là tiền nợ vay, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà TL trình bày: Bà thừa nhận giấy nợ ngày 02-9-2016, số tiền 40.000.000 đồng hẹn 02 tháng trả do bà viết, ký tên ghi họ và tên; giấy hót hụi mười triệu ngày 10-7-2016 cũng do bà viết, ký tên ghi họ, tên và lấn tay. Nhưng thực tế bà không có góp hụi mà bà vay tiền của bà L nhiều lần, mỗi lần đều có ghi giấy nợ, trả góp không đúng hạn, nếu bà trả tiền góp thì lãi nhiều nên bà L tạo điều kiện cho bà trả nợ chuyển qua nợ hụi không có lãi, bà L đọc nội dung cho bà ghi và bà đồng ý với nội dung này. Tuy nhiên, bà và bà L đã chốt lại bà chỉ còn nợ bà L 120.000.000 đồng, số nợ 40.000.000 đồng đã cộng vào nợ 120.000.000 đồng, trả mỗi tháng 20.000.000 đồng, nên cuối giấy này bà có ghi tổng cộng tất cả nợ của bà L là 120.000.000 đồng. Do bà tin tưởng nên không yêu cầu bà L trả lại giấy nợ 40.000.000 đồng. Bà thừa nhận chỉ còn nợ bà L số tiền là 120.000.000 đồng, đồng ý trả cho bà L số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà L trình bày: Bà không đồng ý cho bà TL trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thừa nhận bà đã đọc lại giấy nợ, đoạn cuối bà TL có ghi tổng cộng tất cả nợ là 120.000.000 đồng, sợ bà TL chối nợ nên kêu có yêu cầu bà TL lấn tay vào giấy nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà L.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 22-4-2021 bà L có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí. Kháng cáo còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L về việc yêu cầu bà TL trả số tiền 40.000.000 đồng nợ, thấy rằng:

Bà L khởi kiện yêu cầu bà TL trả 02 khoản nợ: 40.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 02-9-2016 (BL32) và số tiền 120.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 10-11-2016 âm lịch (BL31) và cung cấp 02 giấy nợ cho Tòa án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà TL có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ 120.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà L đối với số nợ 40.000.000 đồng nên bà L kháng cáo.

Bà L kháng cáo cho rằng bà TL còn nợ 40.000.000 đồng tiền nợ vay theo giấy nợ ngày 02-9-2016. Tuy nhiên, giấy nợ 40.000.000 đồng này được lập trước giấy nợ hui số tiền 120.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 10-11-2016 âm lịch. Qua xem xét giấy hốt hui mười triệu do bà L cung cấp (BL31), đoạn cuối trong giấy này có ghi “Tôi chỉ còn nợ trong một giấy này, hoàn toàn không số nợ nào với chị hết. Tổng số tất cả nợ của chị là một trăm hai chục triệu chẵn”.

Bà L thừa nhận bà đã đọc giấy nợ, sợ bà TL chối nợ nên sau khi ký tên bà yêu cầu bà TL lăn tay vào giấy nợ và đưa bà giữ. Như vậy, bà L đã xem giấy nợ. Giấy hốt hui ghi sau giấy nợ 40.000.000 đồng, đoạn cuối trong giấy hốt hui có ghi “tổng số tất cả nợ của chị là một trăm hai chục triệu chẵn”. Đây là đoạn ghi chốt lại tổng cộng tiền nợ giữa bà L và bà TL.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà TL trình bày giấy hốt hui mười triệu do bà viết, nhưng thực tế bà không có góp hui chỉ mượn tiền của bà L nhiều lần có ghi giấy nợ, trả góp không đúng hẹn, tiền trả góp lãi nhiều nên bà L tạo điều kiện cho bà trả nợ chuyển qua nợ tiền hui không có lãi bà đồng ý nên ghi giấy hốt hui, còn nội dung giấy hốt hui do bà L đọc. Số tiền nợ 40.000.000 đồng đã được gộp vào số nợ 120.000.000 đồng, nên bà chỉ còn nợ bà L 120.000.000 đồng.

Có căn cứ xác định đến ngày 10-11-2016 âm lịch bà TL và bà L đã chốt nợ, tổng cộng bà TL chỉ nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận số nợ 120.000.000 đồng buộc bà TL trả cho bà L là có căn cứ.

Bà L kháng cáo nhưng ngoài giấy nợ (BL32) không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Bà L kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bà TL.

3.1. Buộc bà TL có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng; ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà TL trả số tiền nợ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng theo giấy nợ ngày 02-9-2016.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà TL phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

+ Bà L phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 (bốn triệu) đồng theo biên lai thu số 0004635 ngày 28-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả lại cho bà L số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005109 ngày 22-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h Tân Biên;
- CCTHADS h Tân Biên;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền